

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
KẾT QUẢ KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN ĐƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2025 của UBND huyện)

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí tuyển dụng	Điểm			Kết quả
						Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
I. Mẫu giáo									
1	C015	Nguyễn Ngọc Phương Lam	25/04/2003		GVMN	92		92	Trúng tuyển
2	C014	Phan Thị Ngọc Kiều	24/04/1993		GVMN	91		91	Trúng tuyển
3	C019	Đào Thị Cẩm Loan	05/11/1996		GVMN	90		90	Trúng tuyển
4	C008	Nguyễn Trần Ngọc Hân	28/01/2001		GVMN	89,75		89,75	Trúng tuyển
5	C016	Trần Thị Thanh Lan	21/10/1996		GVMN	89,5		89,5	Trúng tuyển
6	C032	Nguyễn Thị Thu Sương	02/11/1994		GVMN	85,25		85,25	Trúng tuyển
7	C044	Lê Hồ Kim Yên	16/10/2002		GVMN	83,75		83,75	Trúng tuyển
8	C002	Nguyễn Thị Thiên Nguyệt Ánh	25/09/2000		GVMN	79,5		79,5	
9	C005	Ngô Thị Dung	14/09/1996		GVMN	72		72	
10	C017	Huỳnh Nhỏ Mai Lâm	28/02/2002		GVMN	69		69	
11	C021	Ngô Thị Kiều My	20/01/2001		GVMN	69		69	
12	C020	Nguyễn Thị Trúc Ly	18/06/1998		GVMN	65		65	
13	C009	Đặng Thị Thu Hiền	23/06/1999		GVMN	61		61	
14	C001	Nguyễn Thị Kim Ánh	22/11/1999		GVMN	60		60	
15	C042	Huỳnh Thị Huyền Trang	16/01/1992		GVMN	60		60	
16	C011	Võ Thị Diễm Hương	25/07/2002		GVMN	58		58	
17	C034	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	02/12/1999		GVMN	57,75		57,75	
18	C026	Võ Thị Yên Nhi	16/10/2003		GVMN	54,75		54,75	
19	C003	Nguyễn Thị Kiều Diễm	29/08/2002		GVMN	52		52	

20	C038	Nguyễn Thị Kim Thoa	31/12/1998
21	C007	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17/06/1991
22	C018	Nguyễn Thị Ngọc Linh	09/04/2002
23	C022	Phan Thị Thanh Ngân	27/02/2000
24	C004	Trần Thị Thùy Dung	17/11/2001
25	C012	Trần Ngọc Lan Hương	26/05/1997
26	C027	Võ Thị Yến Nhi	20/04/2000
27	C006	Bùi Phạm Trường Giang	30/04/1997
28	C030	Nguyễn Thị Ngân Quỳnh	18/05/2001
29	C010	Nguyễn Thị Cẩm Hiền	22/10/1991
30	C033	Phạm Cẩm Tú	14/06/2003
31	C039	Dương Thị Yến Thi	07/01/1995
32	C028	Lê Thị Ngọc Nhi	15/04/2001
33	C031	Đỗ Thị Trúc Sương	29/08/2002
34	C025	Phạm Thị Thanh Nhã	29/08/2003
35	C029	Huỳnh Thị Mỹ Phương	01/01/2000
36	C045	Phạm Thị Cẩm Yến	12/08/2002
37	C043	Hồ Nguyễn Ái Xuân	12/12/2003
38	C035	Lê Thị Thanh	20/03/1995
39	C040	Huỳnh Thị Thanh Thủy	04/08/2002
40	C041	Mai Thị Ngọc Trang	22/08/200
41	C036	Nguyễn Anh Thảo	13/04/1997
42	C037	Mai Lan Thảo	06/07/2001
43	C024	Ngô Như Ngọc	09/04/2002
44	C023	Nguyễn Thị Bảo Ngoan	22/06/2000

7

GVMN	51,25		51,25	
GVMN	51		51	
GVMN	51		51	
GVMN	51		51	
GVMN	50		50	
GVMN	47		47	
GVMN	46,75		46,75	
GVMN	41,75		41,75	
GVMN	40		40	
GVMN	38,25		38,25	
GVMN	36,25		36,25	
GVMN	33,75		33,75	
GVMN	32,25		32,25	
GVMN	31		31	
GVMN	27,25		27,25	
GVMN	23,75		23,75	
GVMN	22,25		22,25	
GVMN	20		20	
GVMN	15		15	
GVMN	15		15	
GVMN	15		15	
GVMN	13,75		13,75	
GVMN	12,5		12,5	
GVMN	11,25		11,25	
GVMN	7,375		7,375	

II. Tiểu học

45	C129	Trần Thị Bích Thu	23/11/2001
46	C123	Bùi Thị Hồng Nhung	08/03/2001
47	C128	Nguyễn Huỳnh Yến Thi	07/08/2001
48	C101	Lâm Thái An	26/09/2000

GVCN	90,5		90,5	Trúng tuyển
GVCN	88,5		88,5	Trúng tuyển
GVCN	84		84	Trúng tuyển
GVCN	83		83	Trúng tuyển

49	C115	Huỳnh Thị Ái My	13/03/2001
50	C124	Nguyễn Quỳnh Như	26/12/2001
51	C116	Đinh Thị Trúc Ngân	11/08/2002
52	C130	Mai Đắc Thức	07/10/2000
53	C104	Diệp Thị Mỹ Chi	16/11/2002
54	C102	Võ Mai Cúc	25/08/2001
55	C113	Nguyễn Thị Thu Hương	14/01/2002
56	C127	Huỳnh Thị Thanh Thảo	12/09/1992
57	C114	Nguyễn Công Minh	31/01/2000
58	C120	Lê Thống Nhất	16/10/2000
59	C117	Nguyễn Văn Nghĩa	20/11/2000
60	C121	Trần Thị Yến Nhi	31/05/2002
61	C132	Đoàn Thị Thanh Vy	11/03/2001
62	C105	Nguyễn Thị Thúy Diễm	02/09/2002
63	C122	Lê Trần Yến Nhi	19/10/2001
64	C118	Nguyễn Kim Ngọc	10/12/2001
65	C106	Võ Thị Thu Diễm	20/11/2002
66	C112	Huỳnh Thị Quỳnh Hương	30/10/2001
67	C119	Lê Thị Minh Nguyệt	29/04/2001
68	C108	Nguyễn Kim Hạnh	18/02/2000
69	C111	Đỗ Châu Huế Hương	13/01/200
70	C103	Lê Chí Cường	07/03/2000
71	C110	Nguyễn Quốc Hùng	25/05/2000
72	C149	Nguyễn Thị Hồng Yến	04/08/1999
73	C135	Lê Nguyễn Xuân Khánh	24/01/2000
74	C148	Phạm Thị Yến	04/04/1989
75	C142	Phạm Thị Cẩm Tuyết	17/01/1995
76	C143	Lê Thị Thảo	23/08/2002
77	C141	Lê Thị Mộng Tuyền	10/07/2001
78	C133	Nguyễn Trần Huế Anh	23/07/2002

63

GVCN	82,5		82,5	Trúng tuyển
GVCN	79		79	Trúng tuyển
GVCN	77		77	Trúng tuyển
GVCN	77		77	Trúng tuyển
GVCN	75		75	Trúng tuyển
GVCN	74,5		74,5	Trúng tuyển
GVCN	74		74	Trúng tuyển
GVCN	72		72	Trúng tuyển
GVCN	71,5		71,5	Trúng tuyển
GVCN	70		70	Trúng tuyển
GVCN	69		69	Trúng tuyển
GVCN	68,5		68,5	Trúng tuyển
GVCN	67,5		67,5	Trúng tuyển
GVCN	65,5		65,5	Trúng tuyển
GVCN	64		64	Trúng tuyển
GVCN	63,5		63,5	Trúng tuyển
GVCN	59		59	Trúng tuyển
GVCN	59		59	Trúng tuyển
GVCN	56,5		56,5	Trúng tuyển
GVCN	52		52	Trúng tuyển
GVCN	51,5		51,5	Trúng tuyển
GVCN	51		51	Trúng tuyển
GVCN	51		51	Trúng tuyển
GV Tiếng Anh	98,75		98,75	Trúng tuyển
GV Tiếng Anh	98,25		98,25	Trúng tuyển
GV Tiếng Anh	96,125		96,125	Trúng tuyển
GV Tiếng Anh	94,25		94,25	Trúng tuyển
GV Tiếng Anh	90,375		90,375	Trúng tuyển
GV Tiếng Anh	90,25		90,25	Trúng tuyển
GV Tiếng Anh	88,25		88,25	

6

79	C137	Lê Trúc Ly	25/12/2001	0	GV Tiếng Anh	88,125		88,125	
80	C134	Huỳnh Thị Ngọc Hân	10/02/2000		GV Tiếng Anh	84,25		84,25	
81	C138	Lê Thị Song Phương	24/01/1998		GV Tiếng Anh	78,875		78,875	
82	C140	Đinh Thị Cẩm Tiên	27/06/2001		GV Tiếng Anh	73		73	
83	C144	Lưu Toàn Thắng	02/04/1990		GV Tiếng Anh	59,75		59,75	
84	C146	Phan Thị Huyền Trân	27/09/1999		GV Tiếng Anh	52,75		52,75	
85	C139	Nguyễn Thị Như Quỳnh	28/09/1997		GV Tiếng Anh	52,375		52,375	
86	C136	Phùng Cao Lộc	06/04/1997	7	GV Âm nhạc	52,25		52,25	Trúng tuyển
87	C145	Trần Thị Thêm	30/09/1989		GV Âm nhạc	52,125		52,125	Trúng tuyển
III. Trung học cơ sở									
88	C204	Võ Thị Mơ	20/02/1992	4	GV Toán	96,5		96,5	Trúng tuyển
89	C202	Trần Phúc Huy	03/11/1993		GV Toán	95,5		95,5	
90	C205	Trần Thị Trang Nhã	18/08/2002		GV Toán	76,5		76,5	
91	C201	Tăng Thành Đạt	12/01/2001		GV Toán	69,5		69,5	
92	C206	Nguyễn Thị Quỳnh Như	11/03/2002	8	GV Ngữ văn	86		86	Trúng tuyển
93	C203	Đỗ Thị Mỹ Hồng	06/11/1995	1	GV Lịch sử	61,5		61,5	Trúng tuyển
94	C210	Đặng Văn Hậu	30/11/2000	5	GV GDTC	82	2,5	84,5	Trúng tuyển
95	C215	Nguyễn Minh Quân	06/07/1996		GV GDTC	75,5	2,5	78	Trúng tuyển
96	C217	Huỳnh Quốc Tính	05/01/2002		GV GDTC	71		71	Trúng tuyển
97	C213	Trần Văn Khoai	24/11/1996		GV GDTC	66,5		66,5	Trúng tuyển
98	C214	Trương Trọng Nhân	05/08/2002		GV GDTC	58,5		58,5	Trúng tuyển
99	C216	Nguyễn Tấn Sin	07/07/1999		GV GDTC	55	2,5	57,5	
100	C209	Huỳnh Tấn Đạt	28/07/1998		GV GDTC	49		49	
101	C211	Võ Minh Hiếu	06/05/2000		GV GDTC	48		48	
102	C218	Phạm Đức Trung	10/03/2002		GV GDTC	47,5		47,5	
IV. Kế toán									
103	C207	Nguyễn Thị Bé Thơ	23/08/1991	1	Kế toán viên Trung cấp	64,5		64,5	Trúng tuyển